TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST
Ngày: 30 -5 -2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phỉ Đính và ông Y Dhiệu Hmok.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

DƯƠNG NGỌC B, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1979, tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKHK thường trú: Tổ 9, phường B, thị xã H, tỉnh quảng Ninh (nay là tổ 4, khu 10, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh); Nơi cư trú: 44/10, tổ 44A, khu phố 4, phường H, quận 12, thành phố H; Hiện nay đang tạm trú tại số nhà 31 H, Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Ngọc Q và bà Đỗ Thị H; Vợ Sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Vân H; bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giữ từ ngày 17/12/2021 đến ngày 24/12/2021; Tạm giam từ ngày 25/12/2021 đến ngày 29/4/2022, được Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, thay đổi biện pháp Tạm giam cho gia đình Bảo lĩnh từ ngày 30/4/2022. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Chi cục thuế khu vực B; Đại diện theo pháp luật Ông Nguyễn Tiến D; chức vụ Chi cục trưởng;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh Ch, sinh ngày 30/01/1965; chức vụ Phó Chi cục trưởng, Chi cục thuế B (văn bản ủy quyền số 140/CCTKV- HNTQA ngày 07/3/2022) Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Ngọc S, sinh năm 1965; Trú tại: thôn T 1, xã C, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Trần Văn B, sinh năm 1958; Trú tại: thôn S 1, xã C, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1940; Trú tại: thôn S 3, xã C, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; Vắng mặt.

4. Bà Dương Thị L, sinh năm 1983; trú tại: TDP 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Có Mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1949, trú tại TDP 4, phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; Vắng mặt.

2. Ông Đào Văn T, sinh năm 1961, trú tại TDP 4, phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn M; sinh năm 1973, trú tại TDP 9, phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Chí Th; sinh năm 1969, trú tại TDP 4, phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; Vắng mặt.

5. Ông Lê Nhất H; sinh năm 1970, trú tại TDP 4, phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; Vắng mặt.

6. Ông Dương Văn Ch; sinh năm 1967, trú tại thôn Vĩnh Điềm Tr, xã Vĩnh H, thành phố Nh, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Ngọc B, sinh năm 1979, trú tại tổ 9, phường B, thị xã H, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ 4, khu 10, phường B, TP H, tỉnh Quảng Ninh) được Chi cục Thuế huyện K (nay là Chi cục Thuế khu vực B), tỉnh Đắk Lắk ký hợp đồng lao động dài

hạn (Hợp đồng số 07 ngày 01/7/1998) làm việc tại Tổ kế hoạch nghiệp vụ của Chi cục Thuế huyện K (nay là Chi cục Thuế khu vực B, Đắc Lắk). Ngày 24/02/1999, Chi cục Thuế huyện K ban hành Quyết định số 16 điều động Dương Ngọc B đến làm kế toán tại Đội Thuế số 8 xã C, huyện K (nay là thị xã B), tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày 01/3/1999, với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao là nhận biên lai, ấn chỉ thu thuế từ Chi cục Thuế huyện K, sau đó cấp phát cho cán bộ Ủy nhiệm thu thuế của xã C, theo dõi việc sử dụng biên lai ấn chỉ thu thuế đối với cán bộ Ủy nhiệm thu thuế xã C và trực tiếp thu thuế; đồng thời định kỳ theo quy định có trách nhiệm thanh toán biên lai đã sử dụng, số tiền thuế ủy nhiệm thu đã thu được, tổng hợp thanh toán với kế toán của Chi cục Thuế huyện K sau đó trực tiếp nộp tiền thuế đã thu được vào Ngân sách Nhà nước thông qua Kho bạc Nhà nước huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong thời gian công tác tại Đội Thuế số 8, xã C thuộc Chi cục Thuế huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Chi cục Thuế khu vực B), thời điểm từ ngày 01/01/2000 đến ngày 17/02/2001, vì cần tiền để tiêu xài vào mục đích cá nhân, lợi dụng sơ hở trong công tác kiểm tra, giám sát của Chi cục Thuế huyện K và Đội Thuế số 8, xã C. Dương Ngọc B đã trực tiếp thu thuế và nhận tiền thu thuế của các ông Hoàng Ngọc S, sinh năm 1965; ông Trần Văn B, sinh năm 1958 và ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1940, cùng trú tại xã C, thị xã B là những cán bộ ủy nhiệm thu thuế, để thu thuế hộ cá thể kinh doanh công thương nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất trên địa bàn xã C. Sau khi thu Dương Ngọc B không nộp tiền thuế đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước theo quy định, mà giữ lại tiêu sài cá nhân. Đến khoảng tháng 02/2001, ông Đào Văn T, sinh năm 1961, trú tại TDP 4, phường A, thị xã B là Đội trưởng Đội Thuế số 8, xã C kiểm tra, phát hiện và yêu cầu Dương Ngọc B nộp biên lai, ấn chỉ để kiểm tra nhưng B không chấp hành, tìm cách trốn tránh nên ông T đã báo cáo cho ông Phạm Văn T, sinh năm 1949, trú tại TDP 4, phường A, thị xã B, là Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện K để xử lý theo quy định.

Sau đó, ngày 17/02/2001 Chi cục Thuế huyện K ra Quyết định số 03/2001-QĐ/CCT thành lập đoàn kiểm tra, để tiến hành kiểm tra về việc thanh toán biên lai, ấn chỉ thuế, việc nộp tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước, đối với Đội thuế số 8 xã C. Kết quả kiểm tra theo Biên bản kiểm tra lúc 07 giờ ngày 18/02/2001 của Chi cục T huyện K, đã kết luận: Đến thời điểm ngày 18/02/2001 Dương Ngọc B còn nợ tổng số tiền thuế các loại chưa nộp vào Ngân sách Nhà nước là 76.797.816 đồng *(Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm mười sáu đồng)*, bao gồm: Thuế giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp năm 2000 số tiền 20.041.500 đồng *(Hai mươi triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, năm trăm đồng)*; thuế các loại năm 2001, từ ngày 01/01/2001 đến ngày 18/02/2001 só tiền 56.756.316 đồng *(Năm mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm mười sáu đồng)*, trong đó: Đã thể hiện viết giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, nhưng chưa nộp số tiền 40.360.704 đồng *(Bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm lẻ bốn*

đồng) và Biên lai đã sử dụng chưa thanh toán là 16.395.612 *đồng (Mười sáu triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm mười hai đồng).*

Đến ngày 07/3/2001, Dương Ngọc B đến làm việc với Chi cục Thuế huyện K, đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình và ký xác nhận tổng số tiền thu thuế đã chiếm đoạt chưa nộp vào Ngân sách Nhà nước là 76.797.816 đồng *(Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm mười sáu đồng)*. Sau đó Dương Ngọc B bỏ trốn khỏi địa phương và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K khởi tố vụ án, bị cáo và Quyết định truy nã đối với Dương Ngọc B về tội Tham ô tài sản. Sau đó vào tháng 3 năm 2001, bị cáo đã tác động gia đình trả cho Chi cục Thuế huyện K, số tiền 29.000.000đồng *(hai chín triệu đồng)* để khắc phục một phần hậu quả. Đến ngày 17/12/2021, Dương Ngọc B bị bắt theo lệnh truy nã số 22 ngày 26/7/2002 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K (nay là thị xã B). Đến ngày 10/5/2022 bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ thiệt hại còn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bsố tiền là 47.797.816 đồng *(Bốn mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm mười sáu đồng).*

Về thu giữ và xử lý vật chứng: Ngày 19/01/2022, bị cáo đã tác động gia đình và bà Dương Thị L đại diện gia đình của bị cáo đã tự nguyện nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 204.718.800 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm mười tám nghìn, tám trăm đồng),* thông qua tài khoản của Chi cục Thuế khu vực B, tỉnh Đắk Lắk để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, việc nộp không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, nên Chi cục Thuế khu vực B đã hoàn trả lại cho bị cáo và gia đình bị cáo số tiền này.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Chi cục Thuế huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Chi cục Thuế khu vực B), tỉnh Đắk Lắk, tổng số tiền là 76.797.816 đồng *(Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm mười sáu đồng).* trong đó 29.000.000đồng *(hai chín triệu đồng)* nộp trả trực tiếp và số tiền 47.797.816 đồng *(Bốn mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm mười sáu đồng)* nộp trả qua Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B để trả cho Chi cục Thuế khu vực B, tỉnh Đắk Lắk và Chi cục Thuế khu vực Bkhông yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSBH ngày 09/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, để xét xử bị cáo Dương Ngọc B, về tội Tham ô tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn

cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý theo đề nghị tại bản Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện viện kiểm sát và không có tranh luận. Tại phiên toà, bị cáo nói lời nói sau cùng: Trước đây vì bồng bột, ham chơi, hám lợi không nghỉ đến hậu quả, nay bị cáo đã biết lỗi và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ cần sự chăm sóc của bị cáo, bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, hứa không tái phạm để làm người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo xét thấy: Do ý thức xem thường pháp luật, tài sản của Nhà nước và động cơ tư lợi cá nhân, nên trong thời điểm từ ngày 01/01/2000 đến ngày 17/02/2001, tại Đội Thuế số 8 xã C, thuộc Chi cục Thuế huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Chi cục Thuế khu vực B tỉnh Đắk Lắk). Bị cáo Dương Ngọc B được giao nhiệm vụ làm kế toán đội thuế đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, nhiều lần chiếm đoạt tiền thuế các loại, do mình có trách nhiệm quản lý để tiêu sài cá nhân. Tổng số tiền thuế đã chiếm đoạt là 76.797.816 đồng *(Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm mười sáu đồng).*

Hành vi phạm tội trên đây của bị cáo Dương Ngọc B đã phạm vào tội Tham ô tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 và điểm c, d, khoản 2

Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 và theo quy định tại Nghị quyết số 41 của Quốc hội Khóa 14 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 về áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, thì tội phạm và hình phạt còn được quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Khoản 1 và điểm c, d khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

"1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng...thì...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

c) Phạm tội nhiều lần;

d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;"

Khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định.

"1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng...thì…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

c) Phạm tội 02 lần trở lên;"

[3] Xét tính chất, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã thực hiện thì thấy rằng bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, năng lực trách nhiệm hình sự. Song do ý thức coi thường pháp luật, lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao và sự buông lỏng trong công tác kiểm tra, giám sát của cấp trên bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản là tiền thuế của nhà nước thành tài sản riêng của mình và do mình quản lý, hành vi đó của bị cáo đã xâm hại đến hoạt động đúng đắn và quyền sở hửu tài sản của cơ quan nhà nước. Song trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội, khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, ngoài ra tại phiên tòa nguyên đơn dân sự đề nghị HĐXX xem xét giãm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, và nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và các tội phạm khác về chức vụ, cần

xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo cũng như đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]Trong vụ án này, đối với hành vi buông lỏng, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát của ông Phạm Văn Th, ông Trần Văn Th và hành vi sai phạm của ông Nguyễn Văn M dẫn đến bị cáo lợi dụng thực hiện hành vi tham ô chiếm đoạt tiền thu thuế trong thời gian dài, nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B không đề cập xử lý là có căn cứ.

[5] Về biện pháp tư pháp:

-Về thu giữ và xử lý vật chứng: Ngày 19/01/2022, bị cáo đã tác động gia đình và bà Dương Thị L đại diện gia đình của bị cáo đã tự nguyện nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 204.718.800 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm mười tám nghìn, tám trăm đồng)*, thông qua tài khoản của Chi cục Thuế khu vực B, tỉnh Đắk Lắk để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, việc nộp không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, nên Chi cục Thuế khu vực B đã hoàn trả lại cho bị cáo và gia đình bị cáo số tiền này (Quyết định về việc hoàn thuế số 263/QĐ-CCT-KDT ngày 17/5/2022 của Chi cục trưởng Chi cục thuế), nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

-Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho Chi cục Thuế huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Chi cục Thuế khu vực B), tỉnh Đắk Lắk, tổng số tiền là 76.797.816 đồng *(Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm mười sáu đồng)*. Trong quá trình điều tra bị cáo và gia đình đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Chi cục Thuế huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Chi cục Thuế khu vực B), tỉnh Đắk Lắk, tổng số tiền là 76.797.816 đồng *(Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm mười sáu đồng)*. Trong đó 29.000.000đồng *(hai chín triệu đồng)* nộp trả trực tiếp và số tiền 47.797.816 đồng *(Bốn mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm mười sáu đồng)* nộp qua Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B để trả cho Chi cục Thuế khu vực B, tỉnh Đắk Lắk và Chi cục Thuế khu vực Bkhông yêu cầu gì thêm cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo DƯƠNG NGỌC B phạm tội *"Tham ô tài sản"*.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa nhân dân Tối cao;

Xử phạt: Bị cáo Dương Ngọc B, 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ đi thời gian đã tạm giữ , tạm giam từ ngày 17/12/2021 đến ngày 29/4/2022;

Về biện pháp tư pháp:

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 BLDS.

Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho Chi cục Thuế huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Chi cục Thuế khu vực B), tỉnh Đắk Lắk, tổng số tiền là 76.797.816 đồng *(Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm mười sáu đồng)*. Chấp nhận bị cáo Dương Ngọc B và gia đình đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Chi cục Thuế huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Chi cục Thuế khu vực B), tỉnh Đắk Lắk, tổng số tiền là 76.797.816 đồng *(Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm mười sáu đồng)*. trong đó 29.000.000đồng *(hai chín triệu đồng)* nộp trả trực tiếp và số tiền 47.797.816 đồng *(Bốn mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm mười sáu đồng)* nộp trả qua Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số 60AA/2021/0003597 ngày 10/5/2022, và Chi cục Thuế khu vực B không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TX. B;*
- *CA TX. B;*
- *THA dân sự TX. B;*
- *Bị cáo, các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

HOÀNG MINH CHỨC

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ phút ngày 30 tháng 5 năm 2022;

Tại: Phòng nghị án TAND thị xã Buôn Hồ

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phỉ Đính và ông Y Dhiệu Hmok.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

DƯƠNG NGỌC B, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1979 tại tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/- Về tội danh: Bị cáo Dương Ngọc B, phạm tội *"Tham ô tài sản". Kết quả biểu quyết 3/3.*

2/- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa nhân dân Tối cao;

Xử phạt: Bị cáo Dương Ngọc B, 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ đi thời gian đã tạm giữ , tạm giam từ ngày 17/12/2021 đến ngày 29/4/2022; *Kết quả biểu quyết 3/3.*

3/*Về biện pháp tư pháp:*

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 BLDS.

Chấp nhận bị cáo Dương Ngọc B và gia đình đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Chi cục Thuế huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk (nay là Chi cục Thuế khu vực Buôn Hồ - Krông Năng), tỉnh Đắk Lắk, tổng số tiền là 76.797.816 đồng *(Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm mười sáu đồng).* trong đó 29.000.000đồng *(hai chín triệu đồng)* nộp trả trực tiếp và số tiền 47.797.816 đồng *(Bốn mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm mười sáu đồng)* nộp trả qua Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số 60AA/2021/0003597 ngày 10/5/2022, để trả cho Chi cục Thuế khu vực Buôn Hồ -

Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk số tiền này và Chi cục Thuế khu vực Buôn Hồ - Krông Năng không yêu cầu gì thêm. *Kết quả biểu quyết 3/3.*

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

4/Về án phí: Bị cáo Ba phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. *Kết quả biểu quyết 3/3.*

Báo cho bị cáo, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**